

Số: 535 /BC-UBND

Bắc Bình, ngày 29 tháng 11 năm 2019

BÁO CÁO

Thực hiện bảo vệ môi trường trong xây dựng Nông thôn mới tại xã Sông Lũy, huyện Bắc Bình.

Thực hiện Thông báo số 678/TB-STNMT ngày 01/10/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc kiểm tra, đánh giá tiêu chí môi trường đối với các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới; Công văn số 2993/STNMT-CCBVMT ngày 9/7/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc báo cáo tình hình triển khai, kết quả thực hiện tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm; Công văn số 2504/STNMT-CCBVMT ngày 21/06/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận về việc hướng dẫn thực hiện đánh giá tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm trong Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2017-2020;

Ủy ban nhân dân huyện Bắc Bình báo cáo với nội dung sau đây:

I. Công tác chỉ đạo, tổ chức triển khai bảo vệ môi trường trong xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn huyện:

- Kế hoạch số 146-KH/HU ngày 31/01/2018 của Huyện ủy Bắc Bình kiểm tra việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới đến năm 2020.

- Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 14/01/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Bắc Bình V/v tổ chức triển khai thực hiện tổng vệ sinh môi trường phục vụ Tết Nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019.

- Kế hoạch Số 53/KH-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2019 của UBND huyện Bắc Bình V/v bảo vệ môi trường năm 2019 trên địa bàn huyện Bắc Bình;

- Kế hoạch Số 113/KH-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2019 của UBND huyện Bắc Bình V/v Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới, Ngày Đại dương thế giới và Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam năm 2019;

- Văn bản số 1990/UBND-SX ngày 23 tháng 9 năm 2019 của UBND huyện Bắc Bình V/v tổ chức các hoạt động hưởng ứng Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn năm 2019 trên địa bàn huyện Bắc Bình;

- Quyết định số 3782/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 phân khai kinh phí sự nghiệp môi trường năm 2019;

- Quyết định số 3214/QĐ-UBND ngày 11/7/2019 phân khai vốn chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2019.

II. Tổng quan về điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội của xã Sông Lũy:

1. Điều kiện tự nhiên

1.1. Vị trí địa lý:

Sông Lũy là một xã nằm phía Tây Bắc của huyện Bắc Bình, có diện tích tự nhiên là 10.103,91 ha, nằm cách trung tâm huyện 23km và cách thành phố Phan Thiết 42km về phía tây. Đây là một trong các xã của huyện Bắc Bình có nhiều điều kiện để phát triển kế

hoạch kinh tế - xã hội ở khu vực phía Nam của huyện, có hệ thống các con sông chính chảy qua như Sông Lũy và sông Cà Tót, hệ thống tuyến đường sắt Bắc Nam và hệ thống giao thông Quốc lộ 1A, cùng các tuyến giao thông liên thôn, liên xã tương đối hoàn chỉnh... nên thuận lợi cho việc phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh quốc phòng địa phương.

Toàn xã có 06 thôn với 2.132 hộ và hơn 8.205 nhân khẩu. Trong đó, Thôn 1: 526 hộ, 1.978 khẩu, Thôn 2: 336 hộ, 1.434 khẩu, thôn Hòa Bình: 421 hộ, 1.415 khẩu, thôn Suối Nhuôm: 345 hộ, 1.438 khẩu, thôn Tú Sơn: 285 hộ, 1.108 khẩu và Sông Khiêng: 219 hộ, 832 khẩu. Nhân dân chủ yếu sống bằng nông nghiệp, chăn nuôi và kinh doanh dịch vụ. Xã có vị trí:

- Phía Bắc giáp xã Phan Sơn.
- Phía Nam giáp xã Bình Tân và xã Hòa Thắng.
- Phía Đông giáp xã Sông Bình và thị trấn Lương Sơn.
- Phía Tây giáp xã Phan Tiến và tỉnh Lâm đồng.

1.2. Địa hình - địa mạo:

Địa hình tương đối phức tạp với phần lớn diện tích là đồi núi đá, đất đồi không bằng phẳng và một phần diện tích dọc Sông Lũy và sông Cà Tót tương đối màu mỡ.

1.3. Khí hậu thời tiết:

Nằm trong vùng có chế độ khí hậu mang tính đặc trưng của vùng Duyên Hải Trung bộ rất khô hạn, chế độ bức xạ cao nhiều nắng ít mưa. Trong năm thời tiết chia làm 02 mùa rõ rệt: Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 - 10, lượng mưa không đều giữa các tháng trong mùa, chủ yếu tập trung vào tháng 7 đến tháng 10. Mùa khô bắt đầu từ tháng 11- 4 năm sau. Nhiệt độ trung bình năm là 26,9⁰C, cao nhất 38⁰C, thấp nhất 16⁰C. Thời gian chiếu sáng trong năm cao, bình quân 2800 – 2900 giờ/năm. Nền nhiệt độ cao, ngày dài là một thuận lợi lớn để cây trồng nhiệt đới sinh trưởng và phát triển tốt, năng suất cao. Lượng mưa bình quân thấp, 818mm/năm; mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, số ngày mưa bình quân khoảng 76 ngày/năm. Lượng bốc hơi nước cao, bình quân 1350mm/năm. Do lượng mưa thấp, lượng bốc hơi cao nên độ ẩm không khí thấp (dao động trong khoảng 75-80 %), cây trồng thường thiếu ẩm.

1.4. Thủy văn:

Toàn xã có 02 con sông chính chảy qua là sông Sông Lũy và sông Cà Tót và có hệ thống Kênh Châu Tá 812 đi qua, có nguồn nước ổn định quanh năm, chất lượng nước tốt đảm bảo cho sinh hoạt và sản xuất.

2. Các nguồn tài nguyên

2.1. Tài nguyên đất:

Trên địa bàn xã có 03 nhóm đất chính:

* *Nhóm đất nông nghiệp:* 9.563,22 ha chiếm 94,65% tổng diện tích tự nhiên, gồm:

- Đất sản xuất nông nghiệp: Diện tích 7.277,70 ha chiếm 72,03% diện tích đất nông nghiệp. Bao gồm:

+ Đất trồng cây hàng năm: Diện tích 3.899,41 ha, chiếm 38,59% diện tích đất sản xuất nông nghiệp. Trong đó:

Đất trồng lúa: Diện tích 499,75 ha, chiếm 4,95% diện tích đất trồng cây hàng năm.

Đất trồng cây hàng năm khác: Diện tích 3.399,65 ha, chiếm 33,65% diện tích đất trồng cây hàng năm.

+ Đất trồng cây lâu năm: Diện tích 3.378,29 ha, chiếm 33,44% diện tích đất sản xuất nông nghiệp.

- Đất lâm nghiệp: Diện tích 2.243,97 ha chiếm 22,21% diện tích đất nông nghiệp. Trong đó, đất rừng sản xuất là 2.243,97 ha chiếm 100% diện tích đất lâm nghiệp.

* *Nhóm đất phi nông nghiệp*: Diện tích 343,36 ha, chiếm 3,40% tổng diện tích tự nhiên, gồm:

- Đất ở (đất ở tại nông thôn): Diện tích 60,08 ha, chiếm 0,59% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất chuyên dùng: Diện tích 191,09 ha, chiếm 1,89% diện tích đất phi nông nghiệp. Trong đó:

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Diện tích 0,34 ha, chiếm 0,00% diện tích đất chuyên dùng.

+ Đất xây dựng trụ công trình sự nghiệp: Diện tích 9,81 ha, chiếm 0,10% diện tích đất chuyên dùng.

+ Đất an ninh: Diện tích 40,47 ha, chiếm 0,40% diện tích đất chuyên dùng.

+ Đất có mục đích công cộng: Diện tích 136,46 ha, chiếm 1,35% diện tích đất chuyên dùng.

- Đất cơ sở tôn giáo: Diện tích 3,19 ha, chiếm 0,03% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất cơ sở tín ngưỡng: Diện tích 1,85 ha, chiếm 0,02% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Diện tích 4,73 ha, chiếm 0,05% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Diện tích 76,87 ha, chiếm 0,76% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Diện tích 5,56 ha, chiếm 0,06% diện tích đất phi nông nghiệp.

**Nhóm đất chưa sử dụng*: Diện tích 197,35 ha chiếm 1,95% tổng diện tích tự nhiên. Bao gồm:

- Núi đá không có rừng cây: Diện tích 43,39 ha, chiếm 0,43% diện tích đất chưa sử dụng.

- Đất bằng chưa sử dụng: Diện tích 85,50 ha, chiếm 0,85% diện tích đất chưa sử dụng.

- Đất đồi núi chưa sử dụng: Diện tích 68,46 ha, chiếm 0,68% diện tích đất chưa sử dụng.

2.2. Tài nguyên nước:

Xã có 02 con sông chính chảy qua là sông Sông Lũy và sông Cà Tót, có hệ thống Kênh Châu Tá 812 đi qua đảm bảo tốt cho sinh hoạt và sản xuất.

Nguồn nước ngầm: Sông Lũy chưa có số liệu điều tra cụ thể, thực tế cho thấy ở những khu vực địa hình thấp trũng có nước mạch sản xuất khá trong và các giếng đều sâu 1 - 2,5m (mạch nước nhĩ) có nước trong đảm bảo cho sinh hoạt và sản xuất.

2.3. Tài nguyên rừng:

Sau giải phóng để đảm bảo cuộc sống nhân dân tiếp tục khai hoang mở rộng diện tích đất canh tác, khai thác gỗ củi nên hiện trạng rừng tự nhiên chỉ là rừng nghèo kiệt, cây bụi tạp.

Theo kết quả thống kê kiểm tra đất đai năm 2018, tổng diện tích đất rừng là 2.243,97 ha chiếm 22,21% diện tích đất nông nghiệp. Trong đó, đất rừng sản xuất là 2.243,97 ha chiếm 100% diện tích đất lâm nghiệp.

2.4. Tài nguyên khoáng sản:

Hiện nay chưa có số liệu điều tra cụ thể về các loại khoáng sản trên địa bàn của xã. Thực tế cho thấy, xã có trữ lượng khoáng sản tương đối lớn, bao gồm cát bồi nền, cát xây dựng và đá sỏi. Khoáng sản cát bồi nền tập trung chủ yếu ở những vùng cát động tại Thôn 1 và thôn Suối Nhuôm. Cát xây dựng có trữ lượng lớn ở 02 dòng sông Sông Lũy và sông Cà Tót. Đá sỏi tập trung ở các đồi núi chưa sử dụng và núi đá không có rừng cây.

2.6. Tài nguyên nhân văn:

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, Mỹ, Nhân dân Sông Lũy cùng nhân dân cả nước anh dũng chiến đấu bảo vệ tổ quốc, bảo vệ nền độc lập dân tộc.

Sau ngày giải phóng phát huy truyền thống anh dũng, kiên cường trong chiến đấu, Đảng bộ, chính quyền cùng nhân dân Sông Lũy bắt tay vào phát triển sản xuất và xây dựng quê hương đưa đời sống nhân dân ngày một đi lên.

3. Kinh tế - xã hội:

- Tổng sản lượng lương thực 2018: 8.963/8.902 tấn;
- Cấp giấy CN QSDĐ: 145/60 ha;
- Tổng thu ngân sách nhà nước: 2.222,61/1.460 triệu đồng;
- Học sinh trong độ tuổi vào lớp 1: 99,9%.
- Tỷ lệ giảm sinh: 0,03%;
- Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi: 6,73/6,7%;
- Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi tiêm chủng đầy đủ: 97%;
- Trạm Y tế đạt chuẩn;
- Giải quyết việc làm 260/220 lao động;
- Tuyển quân: 100% chỉ tiêu giao.

* Kết quả thực hiện về phát triển kinh tế - xã hội năm 2019:

- Tổng sản lượng lương thực năm 2019 dự kiến đạt 9.100 tấn/9.090 đạt 100,1% kế hoạch huyện giao.

- Tổng diện tích gieo trồng là 2.781ha/2.781 ha đạt 100% kế hoạch. Trong đó, diện tích gieo trồng cây hàng năm: 2.365ha/2.365ha đạt 100% kế hoạch; cây lương thực 1.595/1.595ha đạt 100%, lúa cả năm diện tích 1.245/1.245ha đạt 100%, sản lượng 7.110 tấn/7.100 tấn, cây bắp diện tích 350ha/350ha đạt 100% kế hoạch, sản lượng 1.990/1.990 tấn; cây tinh bột diện tích 105ha/105ha đạt 100% kế hoạch (trong đó cây mỳ: 100ha, sản lượng 1.200 tấn; cây khoai lang: 05ha); cây thực phẩm: dưa lấy hạt diện tích 60ha/60ha, sản lượng 22 tấn; đậu các loại 230ha đạt 115 tấn, rau 95ha/95ha đạt 665 tấn, dưa ăn quả 15ha/15ha đạt 150 tấn; cây công nghiệp ngắn ngày: mè 150 ha/150 ha đạt 100% kế hoạch, sản lượng 85 tấn; mía 35ha/35ha đạt 1.600 tấn; đậu phộng 80ha/80ha sản lượng 96 tấn; cây công nghiệp lâu năm: cây điều 23ha/23ha, sản lượng 35 tấn; cây ăn quả 393ha/393ha (cây thanh long 230ha, sản lượng 4.500 tấn; cây ăn quả khác 190ha).

- Tình hình chăn nuôi: đàn trâu 15con/80con, bò 5.600con/5.000con, heo 1.300con/2.500con, dê 2.100con/2.200con, gia cầm 52.000con/30.000con; diện tích trồng cỏ 30/30ha đạt 100%; diện tích trồng cỏ 30ha; 27 cơ sở nuôi chim yến.

- **Tình hình nuôi trồng thủy sản:** Trong năm sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt 45,2/45,2 tấn đạt 100%.

4. Thực trạng cảnh quan môi trường

Là một xã thuộc trung du miền núi, phần lớn diện tích là đồi núi đá, đất đồi không bằng phẳng và một phần diện tích dọc Sông Lũy và sông Cà Tót tương đối màu mỡ.

Môi trường có những vấn đề đáng lo ngại lớn như xói mòn, sạt lở... cần được quan tâm nhất là trong bối cảnh biến đổi khí hậu như hiện nay. Mặt khác, đã có một số dấu hiệu ô nhiễm môi trường do bãi rác của xã Sông Lũy hiện nay không còn phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, gần sát với trường THCS Sông Lũy, Trường Mẫu giáo gây ô nhiễm và ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

Từ những vấn đề nêu trên, trong những năm tới cùng với quá trình khai thác nguồn lợi một cách tối đa để phát triển kinh tế xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống thì việc tái tạo cảnh quan, dự kiến trước các biện pháp để kịp thời ngăn ngừa, hạn chế khắc phục ô nhiễm bảo vệ và phát triển bền vững các nguồn lực tài nguyên thiên nhiên môi trường sinh thái là vô cùng cần thiết.

*** Thuận lợi:**

Điều kiện tự nhiên từ khí hậu thủy văn, địa hình, đất đai, tài nguyên, nguồn nước có nhiều thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển công nghiệp, dịch vụ. Cây trồng, vật nuôi ngày càng phát triển đa dạng. Vị trí địa lý có nhiều thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội, giao lưu văn hóa.

Nguồn lao động dồi dào, người lao động có đặc tính cần cù, năng động, phân bổ ngành nghề phù hợp, tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất hàng hóa.

Được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của cấp ủy Đảng, chính quyền nên công tác triển khai thực hiện được thuận lợi và từng bước đi vào hoạt động có hiệu quả.

Đa số nhận thức của cán bộ, nhân dân về xây dựng nông thôn mới ngày càng được nâng lên. Ý thức về việc chung sức, chung lòng xây dựng nông thôn mới dưới sự hướng dẫn và hỗ trợ của nhà nước đang dần hình thành trong cán bộ và nhân dân xã Sông Lũy.

Các công trình đầu tư từ chương trình đều đúng mục đích, sát với yêu cầu phục vụ nhân dân. Cơ bản đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Sự đồng thuận, thống nhất cao trong cả hệ thống chính trị và nhân dân xã Sông Lũy.

*** Khó khăn:**

Từ điểm xuất phát thực hiện nông thôn mới với nhiều công trình cơ sở hạ tầng đã xuống cấp, nay đã được đầu tư xây dựng cơ bản đáp ứng nhu cầu phát triển của nhân dân. Bước đầu thực hiện còn nhiều lúng túng trong việc xác định mức độ đạt của từng tiêu chí. Tốc độ tăng trưởng hàng năm đạt khá, nhưng thiếu bền vững, sản xuất còn phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên; hiệu quả mang lại từ sản xuất nông nghiệp không cao; thu nhập bình quân đầu người còn thấp so với mặt bằng chung của huyện, tỉnh. Các nguồn lực hỗ trợ đầu tư từ các tổ chức và doanh nghiệp còn hạn chế, nguồn vốn huy động trong dân chưa đáp ứng đủ nhu cầu. Công tác chỉ đạo, điều hành phối hợp trong Ban Chỉ đạo, Ban Quản lý có lúc chưa nhịp nhàng, thiếu đồng bộ.

Công tác tuyên truyền đến cán bộ và nhân dân còn hạn chế, chưa thường xuyên và liên tục. Các ban ngành, đoàn thể chưa thực sự quan tâm đúng mức trong công tác tuyên truyền vận động đến các hội viên, đoàn viên của mình quản lý để cùng quản lý tham gia.

II. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu trong tiêu chí môi trường:

1. Chỉ tiêu về tỷ lệ sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về môi trường (17.2)

1.1 Kết quả thực hiện tiêu chí:

Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt 43/43 cơ sở đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường đạt 100%, các cơ sở sản xuất kinh doanh đều thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định của Pháp luật.

Bảng 1. Bảng thông tin tổng hợp

Xã	Tổng số cơ sở SXKDDV đang hoạt động thuộc đối tượng lập hồ sơ môi trường	Số cơ sở đã có ĐTM hoặc Đề án BVMT chi tiết hoặc Đề án BVMT đơn giản	Số cơ sở đã có KHBVMT hoặc hồ sơ môi trường tương đương	Số cơ sở đã có Báo cáo về các biện pháp bảo vệ môi trường	Số cơ sở đã đi vào hoạt động nhưng chưa lập hồ sơ môi trường
Sông Lũy	43	2 (ĐTM) + 2(ĐABVMT)	39		

Bảng 2. Bảng danh sách cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã

STT	Tên cơ sở, doanh nghiệp	Lĩnh vực hoạt động	Quy mô/công suất hoạt động	Số, ngày cấp hồ sơ về môi trường	Ghi chú
1	Cty TNHH – TM Quốc Anh	Nhà máy sản xuất giấy kraft Phương Nam (Sông Lũy)		124/GXN – UBND ngày 01/03/2007	Đang hoạt động
2	Lai Ká Sênh	Khai thác cát bồi nền tại thôn 4 xã Sông Lũy		1089/GXN – UBND ngày 25/9/2008	
3	Nguyễn Văn Thương	Khai thác cát xây dựng tại thôn Tịnh Mỹ - PhanThanh		979/GXN – UBND ngày 27/8/2008	
4	Hồ Ngọc Tài	Chế biến nhân hạt điều xuất khẩu tại thôn 2 xã Slũy		1178/GXN – UBND ngày 13/10/2008	
5	Lai Ngọc Khánh Trang	Khai thác cát xây dựng tại xã Sông Lũy		996/GXN – UBND ngày 03/09/2008	
6	Nguyễn Thị Thanh Hoa	Khai thác cát xây dựng tại xã Sông Lũy		995/GXN – UBND ngày 25/08/2008	
7	Nguyễn Thị Thanh Hoa	Khai thác khoáng sản cát xây dựng (Sông Lũy)		970/GXN – UBND ngày 03/08/2009	
8	BQL ĐT &XD Tloi 7	Khai thác khoáng sản cát xây dựng (Sông Lũy)		1106/GXN – UBND ngày 03/09/2009	

9	Lai Khánh Ngọc Trang	Dự án khai thác cát xây dựng (Sông Lũy)		204/GXN – UBND ngày 08/02/2010	
10	Gín Tất Dính	Dự án chăn nuôi và giết mổ heo tại sông Lũy		351/GXN – UBND ngày 18/03/2010	Không hoạt động
11	Nguyễn Thị Phương	Dự án khai thác cát xây dựng (Sông Lũy)		356/GXN – UBND ngày 19/03/2010	Ngưng hoạt động
12	Chạc Phát Cồng	Dự án khai thác đá chẽ		578/GXN – UBND ngày 26/04/2010	
13	Chạc Cồng Phí	Dự án khai thác đá chẽ		577/GXN – UBND ngày 26/04/2010	
14	Lai Khánh Vinh	Dự án khai thác đá chẽ		682/GXN – UBND ngày 12/05/2010	
15	Nguyễn Xuân Sửa (chi nhánh xăng dầu Bình Thuận)	Dự án kinh doanh cửa hàng xăng dầu số 8, tại xã Sông Lũy		1607/GXN – UBND ngày 25/10/2010	Đang hoạt động
16	Võ Thị Nguyệt Mai	Dự án chăn nuôi heo công nghiệp 900 con/năm tại xã Sông Lũy		398/GXN – UBND ngày 24/03/2011	Không hoạt động
17	Lê Văn Mười	Dự án kinh doanh xăng dầu và dịch vụ ăn uống		481/GXN – UBND ngày 26/04/2011	
18	Nguyễn Minh Tân (hạt điều)	Dự án chế biến hạt điều xuất khẩu		533/GXN – UBND ngày 06/05/2011	
19	Lê Khắc Du	Dự án kinh doanh mua bán , nghiền nhỏ phế liệu nhựa		283/TB – UBND ngày 22/11/2011	
20	Lê Trọng Dũng	Kinh doanh thu mua phế liệu tại thôn 2, xã Sông Lũy		131/TB – UBND ngày 21/05/2012	
21	Lê Văn Mười	Trạm dừng chân văn mười		69/TB – UBND ngày 10/04/2013	Đang hoạt động và thay thế văn bản 481/GXN – UBND ngày 26/04/2011
22	Lê Thị Đàm	Kinh doanh tạp hóa và dịch vụ ăn uống		67/TB – UBND ngày 10/04/2013	
23	Nguyễn Đăng Chúc	hệ thống nước sạch xã Sông Lũy		231/TB – UBND ngày 10/10/2013	Đang hoạt động
24	Lê Cao Hùng	Mộc dân dụng, thôn 2, Sông Lũy		250/TB – UBND ngày 25/10/2013	
25	Trương Thị Thủy	Gia công mộc dân dụng, mua bán gỗ thành phẩm, thôn 1, Sông Lũy		251/TB – UBND ngày 25/10/2013	
26	Nguyễn Thanh Sơn	mộc dân dụng, thôn 2, Sông Lũy		318/TB – UBND ngày 26/12/2013	

27	Nguyễn Thị Lệ	giết mổ heo, Suối Nhum, Sông Lũy		317/TB – UBND ngày 26/12/2013	
28	Trần Thị Thanh Thuận	mở sét gạch ngói xã Sông Lũy		17/TB – UBND ngày 21/01/2014	Không hoạt động
29	Nguyễn Huỳnh Long	Khai thác xe bò....Sông Lũy tại xã Sông Lũy		498/TB – UBND ngày 31/12/2014	Không hoạt động
30	Trần Ngọc Linh	Sửa chữa lưới điện hạ thế các trạm biến áp Sông Lũy		896/GXN - UBND ngày 21/6/2016	Đang hoạt động
31	Trần Thị Thanh Truyền	Kinh doanh xăng dầu Sông Lũy		39/GXN - UBND ngày 13/01/2017	
32	Trần Ngọc Linh	Xây dựng nhà thờ Sông Lũy		627/GXN - UBND ngày 19/04/2017	
33	Phan Nguyễn Hoàng Tân	Kè chống xói lở bờ sông lũy		1304/GXN - UBND ngày 25/07/2017	
34	Trần Văn Trí	Trường tiểu học sông lũy 3		1335/GXN - UBND ngày 28/07/2017	
35	Trần ngọc linh“	Xây mới tuyến trung thế 2 mạch từ thôn 1, Sông Lũy		285/GXN - UBND ngày 07/02/2018	
36	Phùng Minh	“ dẫn dụ và nuôi chim yến tại Sông Lũy		2418/GXN - UBND ngày 05/12/2018	
37	Diệp Bảo Cảnh	Nhà máy điện mặt trời Sông Lũy		870/GXN - UBND ngày 13/05/2019	Đang triển khai thực hiện
38	Nguyễn Hà Quang Minh (Cty TNHH Hiệp Phú Thành)	Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm liên quan		1961/GXN - UBND ngày 19/9/2019	Do Ông Lê Văn Mười chuyển nhượng lại
39	Văn Thành Nghĩa (Thôn 1, xã Sông Lũy)	Kinh doanh phân bón và thuốc BVTV		18/GXN – TNMT ngày 24/12/2009	Đề án BVMT
40	Trương Ngọc Vinh (Thôn 2, xã Sông Lũy)	Kinh doanh phân bón và thuốc BVTV		19/GXN – TNMT ngày 24/12/2009	
41	Nguyễn Cơ	Nhà máy nước đá Sông Lũy		07-9/04/1998	Hoạt động cầm chừng
42	Trung tâm QLDA và tư vấn xây dựng công trình NN&PTNT	Xây dựng hệ thống nước sạch cho sinh hoạt, nước cho sản xuất kết hợp trồng rừng phòng hộ ở vùng cát Bình Thuận (tiểu dự án HCN Cà Tót)	1.500 ha	ĐTM phê duyệt 2630/QĐ-UBND ngày 12/10/2007	Đã hoàn thành
43	Công ty xây dựng công trình 194	Đầu tư chăn nuôi bò sữa, bò thịt, trồng rừng		ĐTM phê duyệt 598/QĐ-UBND	Chưa xây dựng

Tất cả các cơ sở nêu trên đã có biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định và thực hiện quản lý chủ nguồn chất thải nguy hại (nếu có) đúng theo Thông tư 36/2015/TT-BVMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và môi trường.

Trên địa bàn xã không có làng nghề mà chỉ có các cơ sở, dịch vụ sản xuất kinh doanh đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.

1.2.Đánh giá thuận lợi, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện và chất lượng đạt tiêu chí này.

a. Thuận lợi:

- UBND xã Sông Lũy thường xuyên phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường trong công tác tuyên truyền và kiểm tra, nhắc nhở các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường.

- Các cơ sở sản xuất kinh doanh, luôn phối hợp trong các lần kiểm tra và chấp hành tốt pháp luật về bảo vệ môi trường.

b. Khó Khăn: việc thanh kiểm tra các cơ sở này của xã chưa đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong bảo vệ môi trường theo quy định phân công, phân cấp do cán bộ làm nhiệm vụ lĩnh vực môi trường.

2. Chỉ tiêu về xây dựng cảnh quan, môi trường xanh- sạch- đẹp, an toàn (17.3)

2.1. Kết quả thực hiện tiêu chí:

2.1.1. Đối với hệ thống cây xanh:

Xã Sông Lũy có tổng diện tích đất rừng là 2.243,97 ha chiếm 22,21% diện tích đất nông nghiệp, được phủ xanh bởi hàng ngàn ha rừng sản xuất như keo lá tràm, keo lai, bạch đàn,... Dọc các tuyến đường nội thôn, nơi công cộng và các đơn vị, trường học,... được trồng phủ xanh các loại cây: phượng vĩ, keo lá tràm, xà cừ...

Nhìn chung địa phương có nhiều cây xanh tự nhiên (rừng tự nhiên) nhưng còn ít cây xanh trong khu dân cư do đó cần phải bổ sung thêm cây nhân tạo trong khu dân cư, nơi làm việc, trường học, chợ, đường liên thôn. Vấn đề này, UBND huyện chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường sử dụng kinh phí tại Quyết định số 3214/QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân.dân huyện Bắc Bình về việc phân khai kế hoạch vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2019; theo đó với kinh phí sử dụng cho công tác trồng cây tại xã Sông Lũy trong thời gian đến và hiện nay, Phòng Tài nguyên và Môi trường đang thực hiện hợp đồng với Ban quản lý rừng phòng hộ Lê Hồng Phong về việc trồng 604 cây xanh (cây Dáng Hương) tại các vị trí và tuyến đường trọng yếu trên địa bàn xã như: trường học, thôn, nhà văn hóa...và sẽ hoàn thành trong năm 2019.

2.1.2. Đối với hệ thống ao, hồ sinh thái:

Diện tích sông, ngòi, kênh, rạch, suối toàn xã là 76,87 ha, chiếm 0,76% diện tích đất phi nông nghiệp. Xã có 02 con sông chính chảy qua là sông Sông Lũy và sông Cà Tót. Ngoài ra, còn có hệ thống Kênh Châu tá 812 đi qua và nguồn nước ngầm có nước trong xanh, chất lượng nước tốt phục vụ nhu cầu sinh hoạt cho người dân trong xã.

2.1.3. Đối với đường làng, ngõ xóm:

Toàn xã có 13km đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm; có 14km đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh

năm; cứng hóa mặt đường kết cấu: láng nhựa, bê tông xi măng, sỏi đỏ, sỏi đồi và sỏi cuội; có 1,45km đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa; cứng hóa mặt đường kết cấu: bê tông xi măng thực hiện theo đề án tiếp tục phát triển giao thông nông thôn được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định 466/QĐ-UBND ngày 19/02/2016; có 5km đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm; cứng hóa mặt đường kết cấu: bê tông xi măng, cấp phối đá dăm, sỏi đỏ, sỏi đồi và sỏi cuội. Tại những tuyến chính đều có công thoát nước, không có đoạn nào bị lầy lội vào mùa mưa.

Phòng Tài nguyên và Môi trường đã lắp đặt 04 cụm pano tuyên truyền về bảo vệ môi trường tại các thôn trên địa bàn xã. Qua đó tạo được cảnh quan môi trường khu vực.

2.1.4. Đối với khu vực công cộng:

Rác được thu gom chuyên chở đúng nơi quy định 2 lần/ tuần (địa phương hợp đồng với Ban Quản lý công trình công cộng huyện trong việc thu gom và vận chuyển rác thải về nơi xử lý đúng theo quy định).

Địa phương tổ chức thu gom rác thải định kỳ theo kế hoạch của huyện hàng năm như: Kế hoạch tổng vệ sinh môi trường phục vụ Tết nguyên Đán, Kế hoạch hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới 05/6 và Kế hoạch hưởng ứng làm cho thế giới sạch hơn vào cuối tháng 9 hàng năm... Từ đó môi trường nơi công cộng được thu gom, xử lý rác thải định kỳ thông qua các phong trào hưởng ứng nêu trên.

đến nay diện mạo, cảnh quan môi trường tại địa phương đã thay đổi theo chiều hướng tích cực. Có được kết quả đó là nhờ vào công tác tuyên truyền, vận động toàn dân bảo vệ môi trường hướng đến xây dựng nông thôn mới của các ban, ngành đoàn thể từ cấp huyện đến cấp xã.

2.2. Đánh giá thuận lợi, khó khăn chủ yếu trong quá trình triển khai thực hiện và chất lượng đạt tiêu chí này:

a. Thuận lợi: Được sự quan tâm chỉ đạo của huyện, hỗ trợ kịp thời kinh phí sự nghiệp môi trường năm 2019 để địa phương triển khai tổng vệ sinh môi trường trên địa bàn xã, trực tiếp là Phòng Tài nguyên và Môi trường trong công tác đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn địa phương về bảo vệ môi trường cũng như thủ tục hồ sơ môi trường cho địa phương.

Sự thống nhất cao của Đảng bộ, chính quyền địa phương và việc thực hiện đồng bộ của các tổ chức chính trị xã hội trên địa bàn huyện và sự đồng thuận của người dân trong xã.

b. Khó khăn: Một số bộ phận người dân chưa ý thức được ý nghĩa về việc bảo vệ môi trường trong cộng đồng và việc tuyên truyền pháp luật trong công tác bảo vệ môi trường đến với người dân chưa được sâu kỹ.

3. Chỉ tiêu về chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất- kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định (17.5):

3.1. Kết quả thực hiện tiêu chí:

3.1.1. Tình hình thực hiện thu gom, xử lý chất thải rắn:

+ Về chất thải rắn: địa phương có tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng phát sinh trên địa bàn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016 của Bộ trưởng Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau

sử dụng. Công việc này được Trạm bảo vệ thực vật huyện phối hợp với địa phương triển khai thực hiện.

- Có xe thu gom và chuyên chở rác đến từng nhà thu gom rác sinh hoạt 2 lần/tuần. Chất thải rắn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom và xử lý theo quy định (*kèm theo phương án thu gom rác thải, hợp đồng thu gom rác thải*)

- Người dân tự thu gom bao, bọc thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp và tiêu hủy, không vứt bỏ bừa bãi.

3.1.2. Tình hình thu gom, xử lý phụ phẩm nông nghiệp:

Hiện nay, cây trồng ngắn ngày chủ yếu trên địa bàn xã là cây mè, cây mía, đậu phộng. Sau khi thu hoạch người dân sử dụng xác cây làm thức ăn cho bò, dê hoặc sử dụng ủ âm gốc thanh long. Không có hiện tượng vứt bỏ ngoài đồng hay đốt cháy gây khói, làm ô nhiễm môi trường.

- Chất thải rắn y tế không đáng kể, vì xã chỉ có một trạm y tế nhỏ. Lượng ít rác thải y tế như: bông gạc, ống nhựa xi lanh và kim tiêm, được trạm y tế xử lý tiêu hủy tại chỗ một cách an toàn.

- Chất thải nguy hại được thu gom định kỳ chủ yếu từ Cửa hàng kinh doanh xăng dầu số 8, cây xăng Văn Mười và cây xăng Toàn Thắng và các cơ sở này đã đăng ký nguồn chất thải nguy hại, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp sổ để quản lý.

- Rác thải sinh hoạt tại địa phương, xã đã ký hợp đồng với Ban quản lý công trình công cộng huyện Bắc Bình, thu gom và chở đi xử lý tại bãi rác của huyện 2 lần/ tuần. Không có điểm bố trí tập kết rác thải, người dân bỏ rác vào bao bì đem ra ngoài lề đường, để xe rác đến gom và vận chuyển đi xử lý.

3.1.3. Tình hình thực hiện công tác thu gom, xử lý nước thải:

Trong khu dân cư và trên các tuyến đường ngõ xóm có hệ thống thoát nước thải, nước mưa.

- Có hệ thống tiêu thoát nước mưa phù hợp quy định tại QCCVN 14: 2009/BXD- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng nông thôn.

- Thu gom được lượng nước thải phát sinh tại địa phương đạt 100% hộ dân.

- Đối với nước thải sinh hoạt khu dân cư tập trung, chủ yếu là nước thải sinh hoạt hộ gia đình nên lượng nước thải không nhiều, vì là vùng đất cát nên nước tự thấm thấu vào đất.

- Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh:

Địa phương thường xuyên phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường kiểm tra định kỳ về công tác BVMT đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã quản lý; theo đó hồ sơ môi trường đối với các cơ sở được đảm bảo theo quy định, các cơ sở sản xuất kinh doanh cam kết thực hiện bảo vệ môi trường theo hồ sơ môi trường đã phê duyệt.

3.1.4. Có Hương ước, quy ước về bảo vệ môi trường hoặc hương ước, quy ước có nội dung về bảo vệ môi trường về khu dân cư:

06/6 thôn của xã đều có hương ước, quy ước về bảo vệ môi trường trong cộng đồng dân cư phù hợp tại địa phương mình (*kèm theo hương ước, quy ước của 06 thôn*)

III. Đánh giá chung:

1. Những mặt đã làm được:

Xã Sông Lũy đã có lộ trình chuẩn bị tốt để thực hiện kế hoạch đề ra, đến nay có bước chuyển biến tích cực trong việc tuyên truyền vận động nhân dân cùng chung sức bảo vệ môi trường trong việc xây dựng nông thôn mới; UBND xã có kế hoạch tổ chức triển khai tổng vệ sinh môi trường thu gom rác thải, khơi thông cống rãnh tại địa phương, đặc biệt là công tác chỉ đạo thu gom xử lý lượng rác thải trên địa bàn xã.

Xã Sông Lũy đã đạt được kết quả nhất định trong xây dựng nông thôn mới về tiêu chí môi trường.

2. Tồn tại:

Về cơ bản rác thải sinh hoạt được thu gom xử lý, tuy nhiên địa phương cần chú ý, quan tâm hơn nữa trong công tác lãnh chỉ đạo thực hiện giải quyết dứt điểm tình trạng rác sinh hoạt vớt không đúng nơi quy định.

3. Nguyên nhân:

Công tác vận động, tuyên truyền chưa được sâu sát, sự phối hợp giữa các ban, ngành đoàn thể trong công tác bảo vệ môi trường tại địa phương chưa chặt chẽ, ý thức bảo vệ môi trường của người dân còn hạn chế.

4. Phương hướng trong thời gian đến:

Nhằm khắc phục tồn tại nêu trên. UBND huyện Bắc Bình tiếp tục chỉ đạo các ban, ngành đoàn thể hướng về địa phương, giúp đỡ địa phương trong việc tuyên truyền bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới cụ thể như sau:

Giao trách nhiệm Phòng Tài nguyên và Môi trường; Đồn đốc UBMT.TQVN huyện Bắc Bình, Hội Phụ Nữ huyện, Hội Nông dân và Huyện đoàn Bắc Bình phối hợp cùng địa phương thực hiện các phong trào về bảo vệ môi trường có sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường năm 2019 phù hợp tại địa phương. Tổ chức triển khai thực hiện “xử lý, cải thiện chất lượng môi trường trong xây dựng nông thôn mới năm 2019”; theo đó kinh phí được sử dụng trồng cây xanh tại 02 xã Sông Lũy và Bình An theo văn bản số 184/TNMT ngày 8/8/2019 của Phòng Tài nguyên và Môi trường về việc thực hiện các công trình xử lý cải thiện môi trường tại địa phương trên cơ sở Quyết định số 3214/QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Bắc Bình về việc phân khai kế hoạch vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2019.

Ủy ban nhân dân huyện Bắc Bình báo cáo gửi Sở Tài Nguyên và Môi trường biết để phối hợp cùng địa phương xem xét, kiểm tra, đánh giá tiêu chí môi trường đối với xã Sông Lũy trên địa bàn huyện trong thời gian đến./.

Nơi nhận:

- Sở TN&MT (b/c);
- TT(HU; HĐND Huyện);
- Chủ tịch, PCT UBND Huyện;
- Phòng: TNMT; NNPTNT
- UBND xã Sông Lũy;
- Lưu: VT, Huy (b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Văn Vụ

